TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02-01-2018
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đinh Công Đoàn
2. Ông Hồ Trung Hậu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long***: Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Nguyễn Tố Tr, sinh năm 1990 Nơi cư trú ấp Thạnh Hòa Đ, xã Thạnh Tr, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trương Thanh T, sinh năm 1990 nơi cư trú Tổ 14, ấp Tân V, xã Tân L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.(xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 11/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Nguyễn Tố Tr trình bày:

Năm 2014 chị Tr và anh Trương Thanh T quen biết nhau nên tiến đến hôn nhân, được sự chấp thuận của gia đình tổ chức đám cưới vào tháng 6 năm 2014 âm lịch. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Tân L, huyện BT được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/12/2014. Nữ trang cưới gồm 01 dây chuyền, 01 chiếc lắc, 01 bông tai, tổng cộng 10 chỉ vàng 24k, số vàng cưới này vợ chồng đã bán tiêu xài hết. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình anh Tấn tại ấp Tân V, xã Tân L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng. Anh, chị không có con chung. Thời gian chung sống anh, chị không tạo ra tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ anh, chị.

Mâu thuẫn phát sinh từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay gây gỗ, anh T rượu chè, thường xuyên vắng mặt ở nhà, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị Tr và anh T đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2015 cho đến nay. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không thể tiếp tục chung sống, chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Nguyễn Tố Tr yêu cầu ly hôn với anh Trương Thanh T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

** Ý kiến trình bày của bị đơn anh Trương Thanh T:*

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/10/2017 anh T có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Tr, về con chung không có, về quan hệ tài sản không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận đi làm ăn xa nên anh T xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Nguyễn Tố Tr có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn anh Trương Thanh T cư trú tại tổ 14, ấp Tân V, xã Tân L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Đối với anh Trương Thanh T từ khi thụ lý vụ án thì Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho

anh Tấn để anh T tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt. Đến ngày 28/10/2017 anh T có đơn xin xét xử vắng mặt anh T tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Trương Thanh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Nguyễn Tố Tr và anh Trương Thanh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/12/2014 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Chị Tr xin ly hôn anh T, anh T đồng ý ly hôn. Đây là sự tự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Lê Nguyễn Tố Tr và anh Trương Thanh T.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Nguyễn Tố Tr và anh Trương Thanh T thống nhất không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Lê Nguyễn Tố Tr và anh Trương Thanh T thống nhất không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Nguyễn Tố Tr phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Lê Nguyễn Tố Tr và anh Trương Thanh T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Lê Nguyễn Tố Tr và anh Trương Thanh T thống nhất không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Lê Nguyễn Tố Tr và anh Trương Thanh T thống nhất không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Nguyễn Tố Tr phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0011925 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị Lê Nguyễn Tố Tr đã nộp đủ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.H Bình Tân 01;
- Chi cục THADS. H Bình Tân 01;
- UBND NĐKKH 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Diễm